

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

*Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 40

501
CÔNG
TNI
H VU
HÌNH
KIỂM
PHIA M
T.P.H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BCG Energy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BCG Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2017. Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 05/01/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 2.175.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021: 2.175.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện (3511).

3. Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ; Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở); Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở). Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh như thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

729-
TY
H
U VÀ
KẾ TO
TOÁN
AM
CH

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch điều hành
Ông	Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch phụ trách Pháp lý dự án và Đối ngoại
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch phụ trách Tài chính
Ông	Ng Wee Siong Leonard	Thành viên
Ông	Byung Chul Shin	Thành viên
Bà	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên
Ông	Lương Văn Trung	Thành viên
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18/01/2021)
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18/01/2021)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông	Đông Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trần Quang Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Đoàn Thị Hiền	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Ông	Phạm Minh Tuấn
-----	----------------

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

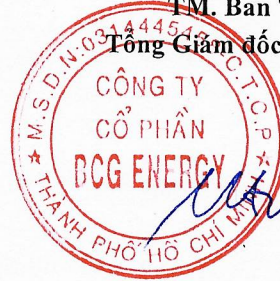
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 22 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc - Đại diện pháp luật



Phạm Minh Tuấn
Phạm Minh Tuấn



Số : 194 /BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy được lập ngày 15/02/2022 từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần BCG Energy tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Đình Ai

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Thắng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0974-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.586.538.500	156.510.185.619
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	27.792.724.735	6.659.164.421
1. Tiền	111		27.592.724.735	1.859.164.421
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	4.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.05	592.380.000	600.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		592.380.000	600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.042.276.008	148.274.749.465
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	13.670.975.014	17.199.505.670
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		37.336.462.639	509.873.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	111.311.673.890	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	12.723.164.465	130.565.370.795
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.159.157.757	976.271.733
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.03	7.621.357.577	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.537.800.180	976.271.733
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.239.048.724.849	4.842.386.527.218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.185.780.935.785	417.206.400.001
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	449.510.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	2.736.270.935.785	417.206.400.001
II. Tài sản cố định	220		9.830.056.972	3.749.775.972
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	9.830.056.972	3.749.775.972
- Nguyên giá	222		10.870.002.729	4.120.137.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.039.945.757)	(370.361.302)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		205.413.800	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		205.413.800	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.05	4.042.680.698.755	4.418.680.286.996
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.762.591.187.362	4.076.355.386.996
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		342.147.712.350	341.734.900.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		890.000.000	590.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(62.948.200.957)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		551.619.537	2.750.064.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.03	551.619.537	2.750.064.244
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.455.635.263.349	4.998.896.712.832



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.279.068.071.516	3.803.914.573.979
I. Nợ ngắn hạn	310		182.664.380.202	1.206.980.673.979
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	28.077.874.642	1.095.049.240.731
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.000.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	1.240.187.294	227.264.701
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	44.416.057.533	10.685.198.631
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	48.930.260.733	101.018.969.916
II. Nợ dài hạn	330		5.096.403.691.314	2.596.933.900.000
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331	V.08	257.508.102.111	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.11	2.008.944.478.092	2.261.183.900.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	2.714.201.111.111	220.000.000.000
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.13	115.750.000.000	115.750.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.176.567.191.833	1.194.982.138.853
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	2.176.567.191.833	1.194.982.138.853
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.175.000.000.000	1.200.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.567.191.833	(5.017.861.147)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.017.861.147)	(5.325.427.737)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		6.585.052.980	307.566.590
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.455.635.263.349	4.998.896.712.832

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	154.339.705.219	15.685.914.245
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.700.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.639.705.219	15.685.914.245
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	38.766.148.951	14.555.914.245
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.873.556.268	1.130.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	260.565.229.060	60.792.550.103
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	312.950.914.573	50.007.401.816
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		183.743.947.944	34.000.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	28.708.657.559	8.782.581.697
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.779.213.196	3.132.566.590
11. Thu nhập khác	31	VI.06	127.933.881	-
12. Chi phí khác	32	VI.07	2.543.912.041	2.825.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		(2.415.978.160)	(2.825.000.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.363.235.036	307.566.590
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	778.182.056	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.585.052.980	307.566.590

Người lập biểu

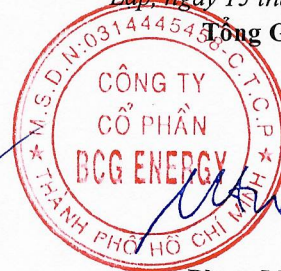
Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.363.235.036	307.566.590
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		884.263.030	313.449.190
- Các khoản dự phòng	03		62.948.200.957	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(232.406.284.913)	(60.681.634.487)
- Chi phí lãi vay	06		183.743.947.944	34.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.533.362.054	(60.026.618.707)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(2.238.636.916.884)	(163.095.241.409)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.059.355.543.421)	2.371.627.793.636
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5.422.912.870)	(2.638.212.273)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(150.013.089.042)	(34.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.430.895.100.163)	2.145.833.721.247
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.796.819.255)	(2.032.570.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(560.821.673.890)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.620.000	12.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(820.462.812.350)	(2.837.032.409.091)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.133.514.199.634	10.346.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		232.388.146.338	45.979.465.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.971.339.523)	(2.769.839.514.042)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		975.000.000.000	400.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.500.000.000.000	220.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.475.000.000.000	620.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		21.133.560.314	(4.005.792.795)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.659.164.421	10.664.957.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	27.792.724.735	6.659.164.421

Người lập biểu

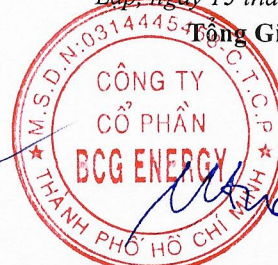
Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BCG Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2017. Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 05/01/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 2.175.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021: 2.175.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ; Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở); Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở). Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh như thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng: Không có.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần BCG Energy có 11 (mười một) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 32 (ba mươi hai) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 04 (bốn) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 01 (một) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

01172
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ
NH KẾ
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
PHỐ C

a. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Tinh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.	51,00%	41,28%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (tên cũ: Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long)	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,50%	50,50%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần BCG Gaia	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,90%	99,90%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100,00%	99,78%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,60%	93,60%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,00%	99,00%

b. Danh sách các Công ty con gián tiếp

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	79,00%	78,21%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	69,00%	68,31%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	74,90%	74,15%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngõ Văn Trị, khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	51,00%	50,49%
Công ty Cổ phần Bleu Soliel	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,90%	50,39%
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	50,39%
Công ty TNHH Xây lắp Skylar 2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	50,39%
Công ty TNHH Thương mại Skylar 3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	50,39%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar 4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	99,00%
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	50,39%
Công ty Cổ Phần Casper Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,0%	98,01%
Công ty Cổ Phần Cosmos Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,0%	98,01%
Công ty Cổ Phần Herb Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,0%	98,01%
Công ty Cổ Phần Orchid Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,0%	98,01%
Công ty Cổ Phần Rose Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,0%	98,01%
Công ty Cổ Phần Sunflower Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,0%	98,01%
Công ty Cổ Phần Violet Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,0%	98,01%



b. Danh sách các Công ty con gián tiếp (tiếp theo)

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH BCG Ever 1	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 2	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 3	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 4	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	50,49%
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	68,31%
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100,00%	68,31%
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	59,90%
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	59,90%
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	59,90%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100,00%	59,90%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	51%	50%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	99,98%	50,48%

c. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,48%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	49,00%

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	49,50%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền đi động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

01
CÔNG
TNI
H VU
HINH
KIEM
PHIA
T.P

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Phương tiện vận tải	08 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 05

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.



Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.



Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	-	619.473.600
- Tiền gửi ngân hàng	27.592.724.735	1.239.690.821
- Các khoản tương đương tiền (*)	200.000.000	4.800.000.000
Tổng cộng	27.792.724.735	6.659.164.421

Ghi chú:

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần, với lãi suất 3,8%/ năm, đã được thế chấp cho khoản phát hành Trái phiếu (xem mục V.12 thuyết minh báo cáo tài chính này).

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	13.670.975.014	17.199.505.670
- Công ty Cổ phần Skylar (*)	6.100.671.767	5.062.327.294
- Công ty Cổ phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch (*)	2.652.446.726	7.722.594.987
- Công ty Cổ phần BCG Evergreen (*)	-	389.628.821
- Công ty Cổ phần Greensky Infinitive (*)	-	104.539.508
- Công ty Cổ phần Bleu Soleil (*)	430.829.167	430.829.167
- Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy (*)	1.323.234.142	1.363.428.833
- Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (đổi tên từ Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long) (*)	454.293.212	2.126.157.060
- Phạm Minh Tuấn (*)	509.500.000	-
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital (*)	2.200.000.000	-
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	13.670.975.014	17.199.505.670
(*) Đây là khoản phải thu các bên liên quan		

3. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.621.357.577	-
- Chi phí khác chờ phân bổ	7.621.357.577	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	551.619.537	2.750.064.244
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	398.857.800	403.397.576
- Chi phí khác chờ phân bổ	152.761.737	2.346.666.668

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn	111.311.673.890	-
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	6.012.300.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	53.634.878.890	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	5.920.000.000	-
- Công ty Cổ phần Skylar	42.761.495.000	-
- Các khách hàng khác	2.983.000.000	-
b. Phải thu về cho vay dài hạn	449.510.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	449.510.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	
a. Chứng khoán kinh doanh					
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
b.1. Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn	592.380.000	592.380.000	-	600.000.000	-
b.2. Dài hạn					
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.105.628.899.712	4.042.680.698.755	(62.948.200.957)	4.418.680.286.996	-
c.1. Đầu tư vào công ty con	3.762.591.187.362	3.755.731.566.894	(6.859.620.468)	4.076.355.386.996	-
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	540.000.000.000	540.000.000.000	-	540.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	108.000.000.000	108.000.000.000	-	108.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Skylar	495.000.000.000	488.140.379.532	(6.859.620.468)	495.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Xanh (1)	761.525.278.271	761.525.278.271	-	1.095.471.170.213	-
- Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	742.500.000.000	742.500.000.000	-	742.500.000.000	-
- Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	217.350.000.000	217.350.000.000	-	232.633.076.923	-
- Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	334.525.000.000	334.525.000.000	-	371.060.230.769	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	122.400.000.000	122.400.000.000	-	122.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	181.340.909.091	181.340.909.091	-	359.090.909.091	-
- Công ty Cổ phần BCG Gaia	249.750.000.000	249.750.000.000	-	-	-
c.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	342.147.712.350	286.059.131.861	(56.088.580.489)	341.734.900.000	-
- Công ty TNHH Skylight Power	24.942.712.350	24.942.712.350	-	24.529.900.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	255.000.000.000	198.911.419.511	(56.088.580.489)	255.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	60.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
- Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	2.205.000.000	2.205.000.000	-	2.205.000.000	-
c.3. Đầu tư vào các đơn vị khác	890.000.000	890.000.000	-	590.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tracodi Power	590.000.000	590.000.000	-	590.000.000	-
- Công ty Cổ phần Điện Gió Khai Long 2	300.000.000	300.000.000	-	-	-
Tổng cộng	4.106.221.279.712	4.043.273.078.755	(62.948.200.957)	4.419.280.286.996	4.419.280.286.996



5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (1) Thực hiện Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 29/09/2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19A/2021/NQ-HĐQT-BCGE ngày 15/06/2021, tại ngày 26/06/2021, Công ty Cổ phần BCG Energy đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch với giá trị là 570 tỷ đồng. Theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản trị số 04/2021/NQ-HĐQT-BCGE ngày 16/04/2021, Công ty Cổ phần BCG Energy đã thoái 49% vốn góp tại Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch bằng hình thức chuyển nhượng cổ phần cho tổ chức khác.
- (2) Theo Nghị Quyết Hội Đồng quản trị số 04/2021/NQ-HĐQT-BCGE ngày 16/04/2021, Công ty Cổ phần BCG Energy đã thoái 49,5% vốn góp tại Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (tên cũ: Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời YNECO - Vĩnh Long) bằng hình thức chuyển nhượng cổ phần cho các cá nhân và tổ chức khác.
- (3) Theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản trị số 09/2021/NQ-HĐQT-BCGE ngày 18/04/2021, Công ty Cổ phần BCG Energy đã thực hiện đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần BCG Gaia với tỷ lệ 99% trên vốn điều lệ.
- (4) Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện góp thêm vốn vào Công ty TNHH Skylight Power với số tiền là 412.812.350 đồng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	12.723.164.465	-	130.565.370.795	-
- Tạm ứng	492.070.480	-	728.334.619	-
- Phải thu khác	12.231.093.985	-	129.837.036.176	-
+ Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (tên cũ: Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long)	-	-	77.351.449.438	-
+ Công ty TNHH BCG Ever1	-	-	2.980.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bleu Soleil	3.223.720.059	-	1.845.905.819	-
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	2.335.035.383	-	-	-
+ Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	1.688.749.514	-	682.592.418	-
+ Công ty Cổ phần Skylar	1.467.560.100	-	-	-
+ Các đối tượng khác	3.516.028.929	-	46.977.088.501	-
b. Phải thu dài hạn khác	2.736.270.935.785	-	417.206.400.001	-
- Ký cược, ký quỹ	46.400.000	-	5.000.000	-
- Phải thu khác	2.736.224.535.785	-	417.201.400.001	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG (1) Khai Long 1	2.500.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Green Solution	-	-	200.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bleu Soleil (2)	37.517.588.995	-	37.517.588.995	-
+ Công ty TNHH Dịch Vụ Skylar1 (2)	26.954.143.068	-	23.679.512.758	-
+ Công ty TNHH Xây lắp Skylar2 (2)	29.317.482.651	-	25.978.158.144	-
+ Công ty TNHH TM Skylar3 (2)	29.317.482.651	-	25.978.158.144	-
+ Phải thu khác (2)	113.117.838.420	-	104.047.981.960	-
Tổng cộng	2.748.994.100.250	-	547.771.770.796	-



Ghi chú:

(1) Thông qua Nghị quyết số 10/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 15/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần BCG Energy, Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421 BCG-KL1 ngày 20/04/2021 với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió KDL Khai Long-Giai đoạn 1, thời hạn hợp tác là 03 năm.

(2) Là các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với các tổ chức kinh tế. Mục tiêu và nội dung hợp tác: Đầu tư, xây dựng, khai thác và vận hành các dự án năng lượng mặt trời áp mái.

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
1. Số dư đầu năm	43.700.001	4.076.437.273	4.120.137.274
2. Số tăng trong năm	111.500.000	7.479.905.455	7.591.405.455
- Mua trong năm	111.500.000	7.479.905.455	7.591.405.455
3. Số giảm trong năm	-	841.540.000	841.540.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	841.540.000	841.540.000
4. Số dư cuối năm	155.200.001	10.714.802.728	10.870.002.729
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	12.138.890	358.222.412	370.361.302
2. Số tăng trong năm	35.008.331	849.254.699	884.263.030
- Khấu hao tăng trong năm	35.008.331	849.254.699	884.263.030
3. Số giảm trong năm	-	214.678.575	214.678.575
- Thanh lý, nhượng bán	-	214.678.575	214.678.575
4. Số dư cuối năm	47.147.221	992.798.536	1.039.945.757
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			
1. Số dư đầu năm	31.561.111	3.718.214.861	3.749.775.972
2. Số dư cuối năm	108.052.780	9.722.004.192	9.830.056.972



8. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Ngắn hạn	28.077.874.642	28.077.874.642	1.095.049.240.731	1.095.049.240.731
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital	9.339.700.000	9.339.700.000	91.300.000	91.300.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	3.847.628.642	3.847.628.642	1.607.412.826	1.607.412.826
- Công ty TNHH Thái Hòa	11.650.000.000	11.650.000.000	330.068.307.692	330.068.307.692
- Công ty TNHH Xây Dựng Thuận Nguyên	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
- Nguyễn Văn Lục	-	-	633.259.670.213	633.259.670.213
- Hồ Quang Chiến	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
- Nguyễn Quang Minh	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
- Các đối tượng khác	3.240.546.000	3.240.546.000	5.022.550.000	5.022.550.000
b. Dài hạn	257.508.102.111	257.508.102.111	-	-
- Nguyễn Văn Lục	162.627.982.231	162.627.982.231	-	-
- Hồ Quang Chiến	14.950.049.950	14.950.049.950	-	-
- Nguyễn Quang Minh	49.930.069.930	49.930.069.930	-	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Thuận Nguyên	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan	9.339.700.000	9.339.700.000	91.300.000	91.300.000
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital	9.339.700.000	9.339.700.000	91.300.000	91.300.000



9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phải nộp trong năm</i>	<i>Đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
a. Phải nộp	227.264.701	7.118.685.088	6.105.762.495	1.240.187.294
Thuế giá trị gia tăng		1.578.344.914	1.578.344.914	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		778.182.056	-	778.182.056
Thuế thu nhập cá nhân	227.264.701	3.413.321.937	3.178.581.400	462.005.238
Thuế khác	-	1.348.836.181	1.348.836.181	-
b. Phải thu	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	44.416.057.533	10.685.198.631
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	44.416.057.533	10.685.198.631
b. Dài hạn	-	-

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	48.930.260.733	101.018.969.916
- KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	142.544.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.787.716.733	101.018.969.916
+ Nguyễn Thị Quỳnh	-	8.890.000.000
+ Trương Hoàng Vĩnh	-	9.528.248.455
+ Nguyễn Hồ Nam	140.000.000	30.140.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Mega Solar	-	17.000.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	-	33.284.054.794
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	13.510.207.144	-
+ Các khách hàng khác	35.137.509.589	2.176.666.667
b. Dài hạn	2.008.944.478.092	2.261.183.900.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.008.944.478.092	2.261.183.900.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond (tên cũ: Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời Tân Thạnh 1)	(1) 647.162.911.425	361.390.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	-	292.000.000.000
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	(2) 274.426.666.667	80.000.000.000
+ Vũ Ngọc Tiến	253.500.000.000	242.500.000.000
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	-	355.498.900.000
+ Nguyễn Duy Kym	-	253.000.000.000
+ Các khách hàng khác	833.854.900.000	676.795.000.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

Ghi chú:

(1) Là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 23112020/2020/HTKD-TANTHANH-BCGE ngày 23/11/2020 giữa Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond về việc hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1 do Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 làm chủ đầu tư và Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 do Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 làm chủ đầu tư. Số tiền thỏa thuận hợp tác đầu tư là 700 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 02 năm. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận căn cứ vào báo cáo tình hình kinh doanh của từng dự án.

(2) Là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0312/2020/HTKD-TNE - BCGE ngày 28/12/2020 giữa Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty TNHH ĐT và PT Năng Lượng Thành Nguyên về việc cùng nhau hợp tác đầu tư vào Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1,2,3 do Công ty cổ phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch làm chủ đầu tư và Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nhà máy điện Sky Energy làm chủ đầu tư. Số tiền thỏa thuận hợp tác đầu tư là 400 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 03 năm. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận căn cứ vào báo cáo tình hình kinh doanh của từng dự án.

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu thường						
- Loại phát hành theo mệnh giá (1)	49.666.666.666	11%	3 năm	50.000.000.000	11%	3 năm
- Loại phát hành theo mệnh giá (1)	69.413.333.333	11%	5 năm	70.000.000.000	11%	5 năm
- Loại phát hành theo mệnh giá (1)	99.093.333.333	11%	7 năm	100.000.000.000	11%	7 năm
- Loại phát hành theo mệnh giá (2)	998.444.444.448	10%	3 năm	-	-	-
- Loại phát hành theo mệnh giá (3)	1.497.583.333.331	10%	3 năm	-	-	-
Tổng cộng	2.714.201.111.111			220.000.000.000		

Ghi chú:

(1) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu bao gồm BCGE.2020.3Y, BCGE.2020.5Y, BCGE.2020.7Y, phát hành từ ngày 31/08/2020. Mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem Mục V.01 Thuyết minh báo cáo tài chính này) và các Dự án điện mặt trời áp mái tại các Công ty con gián tiếp.

(2) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124002, phát hành từ ngày 26/04/2021. Mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1.

(3) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124003, phát hành từ ngày 24/05/2021. Mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1.

13. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

- Công ty Cổ phần BCG Energy phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd. theo Hợp đồng ngày 13/08/2019. Mã Trái phiếu: BONDBE/2019.01.

- Số lượng trái phiếu: 1.157.500 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất danh nghĩa: 7%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 7%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 04/09/2019.

- Quyền chuyển đổi: sau kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty Cổ phần BCG Energy, với trị giá mệnh giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
a. Số dư tại ngày 01/01/2020	800.000.000.000	(5.325.427.737)	794.674.572.263
- Tăng vốn trong năm trước	400.000.000.000	-	400.000.000.000
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm trước	-	307.566.590	307.566.590
b. Số dư tại ngày 31/12/2020	1.200.000.000.000	(5.017.861.147)	1.194.982.138.853
c. Số dư tại ngày 01/01/2021	1.200.000.000.000	(5.017.861.147)	1.194.982.138.853
- Tăng vốn trong năm nay (*)	975.000.000.000	-	975.000.000.000
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm nay	-	6.585.052.980	6.585.052.980
d. Số dư tại ngày 31/12/2021	2.175.000.000.000	1.567.191.833	2.176.567.191.833

Ghi chú:

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 29/09/2020 đã thông qua việc tăng Vốn điều lệ của Công ty lên 1.620.000.000.000 đồng.

Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường số 11/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 08/07/2021 đã thông qua việc tăng Vốn điều lệ của Công ty lên 2.175.000.000.000 đồng.



14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital	1.608.000.000.000	1.188.000.000.000
- Lê Thị Mai Loan	6.000.000.000	6.000.000.000
- Nguyễn Thanh Hùng	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	555.000.000.000	-
Cộng	2.175.000.000.000	1.200.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	1.200.000.000.000	800.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	975.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.175.000.000.000	1.200.000.000.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	-	-

d. Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	217.500.000	120.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	217.500.000	120.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	217.500.000	120.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	217.500.000	120.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	217.500.000	120.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

-

f. Các quỹ của doanh nghiệp

-



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.339.705.219	15.685.914.245
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	154.339.705.219	15.685.914.245
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	48.939.705.219	15.635.914.245
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital	2.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Skylar	7.284.804.296	4.602.115.722
- Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	36.515.916.882	7.020.540.897
- Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	391.662.879
- Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	-	95.035.916
- Công ty Cổ phần BCG Evergreen	-	354.208.019
- Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (tên cũ: Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long)	1.861.043.912	1.932.870.055
- Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	1.277.940.129	1.239.480.757
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	24.700.000.000	-
- Hàng bán bị trả lại	24.700.000.000	-

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn dịch vụ	38.766.148.951	14.555.914.245
Cộng	38.766.148.951	14.555.914.245

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.870.099.338	1.049.410.254
- Lãi thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư, đầu tư khác	232.445.129.722	53.872.224.233
- Lãi đầu tư cổ phần, cổ phiếu	20.250.000.000	5.760.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	110.915.616
Cộng	260.565.229.060	60.792.550.103

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	183.743.947.944	16.224.458.905
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.028.202	72.221.450
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	23.381.190.780	33.710.721.461
- Lỗ đầu tư cổ phần, cổ phiếu	4.795.891.942	-
- Dự phòng đầu tư tài chính	62.948.200.957	-
- Chi phí tài chính khác	38.036.654.748	-
Cộng	312.950.914.573	50.007.401.816



5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	-	-
<i>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	28.708.657.559	8.782.581.697
- Chi phí nhân viên quản lý	720.514.972	4.395.880.854
- Chi phí vật liệu quản lý	91.200.000	12.800.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	143.631.448	161.758.348
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.525.265.032	3.981.857.532
- Chi phí bằng tiền khác	225.046.107	227.284.963

6. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thành lý nhượng bán TSCĐ	18.138.575	-
- Các khoản khác	109.795.306	-
Cộng	127.933.881	-

7. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Các khoản khác	2.543.912.041	2.825.000.000
Cộng	2.543.912.041	2.825.000.000

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân công	21.201.772.735	9.354.420.468
- Chi phí khấu hao TSCĐ	884.263.030	313.449.190
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.898.068.270	13.265.782.973
- Chi phí bằng tiền khác	2.490.702.475	404.843.311
Cộng	67.474.806.510	23.338.495.942

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.363.235.036	307.566.590
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	900.519.825	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	900.519.825	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	8.263.754.861	307.566.590
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(4.372.844.580)	(307.566.590)
- Tổng thu nhập tính thuế	3.890.910.281	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	778.182.056	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

- Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có thể chấp 200.000.000 VND tại khoản mục tương đương tiền (xem mục V.01 thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản phát hành Trái phiếu.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường

Năm nay

2.500.000.000.000

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm: Không phát sinh.**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****a. Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Skylar 2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 6	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 7	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Rose Solar	Công ty con gián tiếp



a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công Ty Cổ Phần Sunflower Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên doanh, liên kết

Ghi chú:

Ngoài thông tin các bên liên quan đã được nêu tại mục V.2, V.8 và VI.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính này, thông tin các bên liên quan bao gồm như sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	5.644.623.637
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Cho vay Lãi cho vay	4.126.800.000 269.349.486
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Lãi hợp tác Nhận tiền hợp tác	24.857.207.144 194.426.666.667
Công ty Cổ phần Skylar	Cho vay Lãi cho vay Mượn tiền	52.280.163.151 1.467.560.100 7.500.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Cho vay Lãi cho vay Mượn tiền Lãi vay Góp vốn đầu tư Thoái vốn đầu tư Cho mượn	517.277.000.000 2.722.827.658 64.600.000.000 51.571.233 570.000.000.000 903.945.891.942 39.950.000.000
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	Nhận cung cấp dịch vụ	12.444.000.000
Công ty TNHH Skylight Power	Góp vốn đầu tư	412.812.350
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Cho vay Lãi cho vay	3.214.800.000 51.074.679
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Cho vay Lãi cho vay	2.366.475.000 34.341.622
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Cho vay Lãi cho vay	65.334.878.890 2.335.035.383
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Nhận tiền hợp tác Lãi hợp tác phải trả Chuyển tiền hợp tác	40.170.000.000 431.365.315 7.941.000.000
Công ty Cổ phần Apollo Development	Chuyển tiền hợp tác Mượn tiền	4.705.000.000 1.147.000.000
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Cho vay Lãi cho vay	7.940.000.000 16.979.179
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Cho vay	433.000.000
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Cho vay Lãi cho vay	10.806.000.000 69.304.314

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Cho vay	4.407.000.000
	Lãi cho vay	101.265.534
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Lãi hợp tác	1.848.157.096
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Lãi hợp tác	1.848.157.096
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Lãi hợp tác	3.020.597.314
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Lãi hợp tác	3.020.597.314
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Lãi hợp tác	3.020.597.314
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar 1	Lãi hợp tác	5.184.561.422
Công ty TNHH Xây lắp Skylar 2	Lãi hợp tác	5.434.658.689
Công ty TNHH Thương mại Skylar 3	Lãi hợp tác	5.434.658.689
Công ty TNHH BCG Ever 5	Lãi hợp tác	2.310.196.368
Công ty TNHH BCG Ever 6	Lãi hợp tác	2.310.196.368
Công ty TNHH BCG Ever 7	Lãi hợp tác	1.393.757.094
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Lãi hợp tác	6.002.814.240

c. Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Mã trên CĐKT	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	319	140.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	135	6.012.300.000
	136	269.349.488
Công ty Cổ phần Skylar	135	42.761.495.000
	136	1.467.560.000
Công ty Cổ phần Apollo Development	319	1.147.000.000
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	135	86.000.000
	135	430.000.000
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	136	7.304.314
	312	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	135	2.232.000.000
	136	101.265.534
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	135	53.634.878.890
	136	2.335.035.383
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	215	449.510.000.000
	136	1.622.827.658
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	135	110.000.000
	136	8.374.679
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	135	125.000.000
	136	5.141.622
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	319	16.267.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	319	13.510.207.144
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	337	274.426.666.667
	136	1.688.749.514
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	216	11.550.981.833
	136	918.477.853
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	216	11.550.981.834
	216	16.125.324.606
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	216	16.325.324.606
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	216	16.313.324.606
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar 1	216	27.144.074.180
Công ty TNHH Xây lắp Skylar 2	216	29.443.816.833

c. Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mã trên CĐKT	Số tiền
Công ty TNHH Thương mại Skylar 3	216	29.482.816.833
Công ty TNHH BCG Ever 5	216	15.734.268.069
Công ty TNHH BCG Ever 6	216	15.743.268.069
Công ty TNHH BCG Ever 7	216	9.292.765.321
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	136	3.223.720.059
	216	37.517.588.995

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

3. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh

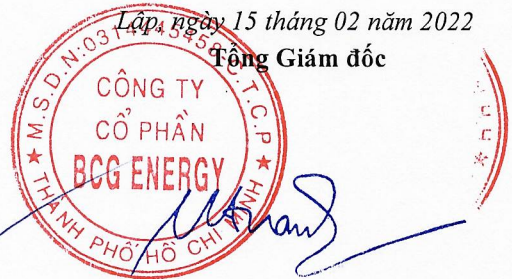
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn